

Công nghiệp n:
Hoá học, Xây dựng, Thực phẩm & Ngành công nghiệp, Khai thác mỏ, Dầu khí

Môi trường:
môi trường không bẩn gồ ghề, môi trường, Bề mặt cứng mịn

Các hướng dẫn bảo trì:
giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng cách chà nhám trên lớp

Sử dụng		Đơn vị	Đo lường	Điểm	Kiểm tra	EN ISO 20345
Như n vật liệu						
cao cấp hơn	Top: khả năng chống nước	mm	mg/cm/g	68	?	0.8
	Top: độ bền	mm	mg/cm2	7.8	?	15
ót bên trong						
	i tái chế					
	Lớp lót: chống nước	mm	mg/cm/g	46.42	?	2
	lót: độ bền	mm	mg/cm2	372	?	20
Độ bền						
Đ	ố pSJ					
	ệ mchân	Độ bền	chu kỳ	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		25600/12800
Đ						
Đ	BASF PU/BASF PU					
	Chống mài mòn	mm		50	?	150
Đ	Chống trượt	mm	ma sát	0.46	?	0.31
	Chống trượt	mm	ma sát	0.45	?	0.36
Đ	Chống trượt	mm	ma sát	0.35	?	0.19
	Chống trượt	mm	ma sát	0.34	?	0.22
Đ	Giá trị điện	megaohm		50.5	0.1 - 1000	
	Giá trị	megaohm		N/A	0.1 - 100	
Đ	Hấp thụ năng lượng	J		41	?	20
	Thép					
Đ	Mũi giày an toàn	mm	va đập (khả năng cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	
	Nắp mũi	mm	nén (khe hở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	
Đ	Mũi giày an toàn	mm	va đập (khả năng cách sau va đập 200J)	20.5	?	14
	Mũi giày an toàn	mm	nén (khả năng cách sau khi nén 15kN)	22.0	?	14

Kích thước thép: 42
a chú ý: không có ảnh hưởng đến hiệu quả của giày Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý trước